

Số: 333/2020/QĐST-VHNGĐ

T, ngày 21 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 319/2020/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Cao Minh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Khu phố O, phường X, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Cao Minh Đ và bà Trương Thị Mỹ T tự nguyện tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01 ngày 28/9/2005. Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Cao Trọng Q, sinh ngày 28/7/2005 và Cao Thị Tuyết H, sinh ngày 16/5/2008. Ngày 30/11/2020, ông bà có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, ông bà đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Minh Đ và bà Trương Thị Mỹ T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Cao Trọng Q, sinh ngày 28/7/2005 và Cao Thị Tuyết H, sinh ngày 16/5/2008 cho bà Trương Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Cao Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Cao Thị Tuyết H mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thực hiện từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Cao Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con tên Cao Trọng Q.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ông Cao Minh Đ và bà Trương Thị Mỹ T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Cao Minh Đ và bà Trương Thị Mỹ T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052034 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- UBND xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Võ Thị Hồng Thêm